

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23/10/2020

“V/v tranh chấp về hôn nhân và
gia đình - chia tài sản chung
sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Kim Liên

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Văn Dũng

2. Ông Nguyễn Hồng Thơ

- *Thư ký phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Vũ Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Cao Lãnh: Bà Nguyễn Thị Tuyết Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 254/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020, về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - chia tài sản chung sau khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 332/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Hồ Huỳnh H, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số 43-45, đường Trịnh Thị C, xã T, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Nguyễn Minh T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số 15, đường Hồ Văn T, Tổ 27, ấp 1, xã T, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị H có mặt, anh T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 6 năm 2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 10 tháng 9 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Hồ Huỳnh H trình bày:

Chị Hồ Huỳnh H và anh Nguyễn Minh T kết hôn với nhau vào năm 2007 và ly hôn năm 2017 tại Bản án số 62/2017/HNGĐ-ST ngày 10/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Theo đó, về con chung: Chị H được tiếp tục nuôi hai con chung tên Nguyễn Thiện Đ, sinh ngày 05/9/2008 và Nguyễn Nha T, sinh ngày 23/7/2016. Buộc anh T cấp dưỡng nuôi con chung, với mức cấp dưỡng là $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở cho mỗi con chung, cấp dưỡng từ tháng 11/2017 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Tài sản chung: chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có. Tuy nhiên đến nay, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung này.

Trong thời kỳ hôn nhân - năm 2010, chị H và anh T có tạo lập tài sản chung gồm: thửa đất và tài sản gắn liền với đất là thửa đất số 86, tờ bản đồ số 35, diện tích đất 76,5m², loại đất ở nông thôn, trên đất có căn nhà cấp 4, kết cấu bê tông cốt thép, diện tích xây dựng 76,5m², diện tích sàn 76,5m², hoàn thành xây dựng vào năm 2010, nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ số 115, đường Hồ Văn T, Tổ 27, ấp 1, xã T, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp, được Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 448270 ngày 05/4/2010 cho anh Nguyễn Minh T và chị Hồ Huỳnh H.

Nhà và đất nêu trên là tài sản chung của vợ chồng chị H. Năm 2016, anh T và chị H đóng la phong nhà bằng vật liệu nhựa từ nguồn tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) bỏ ống heo của con chị H tên Thiện Đ. Nguồn tiền này là tiền Thiện Đ được lì xì. Ngoài ra, không có công sức đóng góp của ai khác.

Từ tháng 3/2019 đến nay, chị H và 02 con chung ở trọ tại nhà trọ M, số 443-445, đường Trịnh Thị C, xã T, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp. Lý do chị H dọn ra khỏi nhà là do anh T đòi giết chị H.

Mười năm sống chung với chị H, anh T không đưa tiền chị H để tiêu xài sinh hoạt chung trong gia đình. Từ khi có bản án ly hôn, chị H có yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con thì anh T có nộp đủ hàng tháng.

Hiện nay, nhà và đất nêu trên do anh T quản lý và sử dụng. Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện do chị H giữ, không có thể chấp ngân hàng.

Chị H thống nhất các biên bản sau: Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/8/2020; Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ bổ sung ngày 10/9/2020 và Biên bản định giá ngày 13/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh. Sơ đồ đo đạc ngày 04/8/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh và không yêu cầu định giá tài sản lại.

Nay chị Hồ Huỳnh H yêu cầu chia hai phần tài sản chung nêu trên cho chị H và anh T, chị H yêu cầu sở hữu nhà và sử dụng đất, yêu cầu anh Nguyễn Minh T di dời toàn bộ tài sản trong nhà của anh T theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, ra khỏi

căn nhà tọa lạc tại số 115, đường Hồ Văn T, xã T, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp thuộc thửa đất số 86, tờ bản đồ số 35 để giao nhà và đất cho chị H, chị H đồng ý giao $\frac{1}{2}$ giá trị nhà và đất cho anh T theo giá của Hội đồng định giá tài sản đã định.

Chị H tự nguyện cho anh T quyền lưu cư 03 tháng kể từ thời điểm Bản án có hiệu lực pháp luật. Chị H không tranh chấp các tài sản trong nhà với anh T.

Bị đơn Nguyễn Minh T trình bày:

Theo đơn xin vắng mặt của anh T ngày 27/7/2020 có nội dung: Anh T đồng ý theo yêu cầu nguyên đơn và Quyết định Tòa án và xin vắng mặt các phiên hòa giải và phiên tòa xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, những người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Hồ Huỳnh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử thì quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - chia tài sản sau khi ly hôn. Tuy nhiên, căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - chia tài sản chung sau khi ly hôn” theo quy định tại Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình 2014 và khoản 1 Điều 28 Bộ Luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn Nguyễn Minh T có địa chỉ cư trú và phần đất tranh chấp tọa lạc tại xã T, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Minh T hiện đang có mặt tại nơi cư trú, Tòa án nhân dân thành phố Lãnh đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T có đơn xin vắng mặt tại các buổi hòa giải và phiên tòa xét xử. Chị H đồng ý việc xét xử vắng mặt anh T tại phiên tòa theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của chị H yêu cầu chia hai phần tài sản chung, chị H yêu cầu anh T di dời toàn bộ tài sản trong nhà, chị H yêu cầu được

nhận nhà và diện tích đất, chị H đồng ý giao $\frac{1}{2}$ giá trị nhà và đất cho anh T theo giá Hội đồng định giá tài sản ngày 13/8/2020 (220.243.500 đồng : 2 = 110.121.750 đồng). Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào hồ sơ cấp đất và lời trình bày của chị H xác định nguồn gốc đất đang tranh chấp là của anh T và chị H nhận chuyển nhượng của anh Nguyễn Phước H và chị Nguyễn Thị Thu T vào năm 2010, diện tích 76,5m², loại đất ở nông thôn, thuộc thửa đất số 86, tờ bản đồ số 35. Sau khi nhận chuyển nhượng, anh chị tiến hành xây cất căn nhà cấp 4 trên đất với diện tích xây dựng 76,5m², kết cấu bê tông cốt thép, hoàn thành xây dựng vào năm 2010, nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ số 115, đường Hồ Văn T, Tổ 27, ấp 1, xã T, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp, được Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 448270 ngày 05/4/2010 cho anh Nguyễn Minh T và chị Hồ Huỳnh H. Nằm trong phạm vi các mốc: mốc 1, mốc 2, mốc 3, mốc 4, mốc 1 theo sơ đồ đo đạc ngày 4/8/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh. Do đó, đây là tài sản chung của anh chị hình thành trong thời kỳ hôn nhân theo quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét thấy, chị H cho rằng năm 2016, anh T và chị H đóng la phong nhà bằng vật liệu nhựa từ nguồn tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) bỏ ống heo của con chị H tên Thiện Đ. Nguồn tiền này là tiền Thiện Đ được lì xì, ngoài ra không có công sức đóng góp của ai khác. Tòa án có làm việc với cháu Thiện Đ có sự chứng kiến của chị H, cháu Thiện Đ cũng xác định: năm 2016, anh T và chị H đóng la phong nhà bằng vật liệu nhựa bằng nguồn tiền bỏ ống heo của Thiện Đ. Nguồn tiền này là tiền Thiện Đ được lì xì. Nay, anh T và chị H chia tài sản là nhà và đất nói trên thì số tiền Thiện Đ góp vào để đóng la phong nhựa thì Thiện Đ không yêu cầu anh T và chị H trả lại cho Thiện Đ. Thiện Đ đồng ý để phân la phong nhựa cho anh T và chị H sử dụng. Cháu Nguyễn Thiện Đ yêu cầu không tham gia tố tụng trong vụ án vì không có liên quan đến tài sản của ông T và bà H. Do đó, Hội đồng xét xử không đưa cháu Nguyễn Thiện Đ tham gia tố tụng là phù hợp.

Đối với anh Nguyễn Minh T, mặc dù anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nhưng Tòa án vẫn tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như các thông báo để anh T trình bày ý kiến liên quan đến nội dung vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của chị H nhưng anh T vẫn không nộp (gửi) văn bản ý kiến cho Tòa án. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt của anh T có nội dung: Anh T đồng ý theo yêu cầu chị H.

Tại phiên tòa, chị H thống nhất giá nhà và đất theo giá của Hội đồng định giá đã định ngày 13/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh thành lập Hội đồng là 220.243.500 đồng và không yêu cầu định giá lại. Anh T vắng mặt tại phiên tòa và không có ý kiến về trị giá nhà và đất đang tranh chấp nên Hội đồng xét xử chấp nhận giá nhà và đất là 220.243.500 đồng. Như vậy, mỗi người được nhận $\frac{1}{2}$ là 110.121.750 đồng.

Chị H cho rằng tài sản trong nhà theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ bổ sung ngày 10/9/2020 gồm: 01 âm ly đầu đĩa cặp loa hiệu Jammy; 01 cây đàn bầu; 01 tủ treo tường khung nhôm giả gỗ kiếng kích thước 1,6m x 0,4m; 01 kệ treo tường bằng inox và 01 cái ghế cao 1,2m bằng inox là của chị H. Tuy nhiên, anh T không có ý kiến về các tài sản này. Đồng thời, chị H không tranh chấp với anh T các tài sản này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét thấy, hiện nay chị H là người trực tiếp nuôi 02 con tên Nguyễn Thiện Đ, sinh ngày 05/9/2008 và Nguyễn Nha T, sinh ngày 23/7/2016. Chị H không có chỗ ở nào khác, chị H cần có nơi ở ổn định để đảm bảo cuộc sống, tâm, sinh lý cho con trẻ nên Hội đồng xét xử giao nhà và đất cho chị H quản lý, sử dụng, chị H có trách nhiệm giao anh T $\frac{1}{2}$ giá trị nhà và đất là 110.121.750 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận yêu cầu của chị H.

Ngoài ra, chị H cho rằng anh T hiện nay đang công tác tại Cục thuế tỉnh Đ. Anh T làm việc từ thứ hai đến thứ sáu, cuối tuần anh T về quê ở huyện L, tỉnh Đ sinh sống. Do đó, nhu cầu ở của anh T cũng chưa thật sự cần thiết như chị H và 02 con của anh chị. Nên, anh T nhận giá trị nhà và đất là phù hợp. Do đó, anh T có trách nhiệm di dời toàn bộ tài sản của anh T theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ bổ sung ngày 10/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh để anh T giao nhà và đất cho chị H là phù hợp.

[3] Xét quyền lưu cư của anh Nguyễn Minh T: Anh T đang quản lý và sử dụng căn nhà trên. Tại phiên tòa chị H tự nguyện cho anh T quyền lưu cư 03 tháng kể từ thời điểm Bản án có hiệu lực pháp luật nên chấp nhận.

[4] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng cộng 2.692.000 đồng, mỗi người phải chịu 1.346.000 đồng. Chị H đã tạm ứng và chi xong nên anh T có nghĩa vụ trả lại cho chị H số tiền 1.346.000 đồng.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị H và anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung theo quy định tại khoản 2 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh về quan điểm giải quyết vụ án theo hướng: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Hồ Huỳnh H là có căn cứ, phù hợp với những phân tích trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 33, Điều 59, Điều 62, Điều 63 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của chị Hồ Huỳnh H về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn.

Chị Hồ Huỳnh H được quản lý, sử dụng phần đất diện tích 76,5m², loại đất ở nông thôn, thuộc thửa 86, tờ bản đồ số 35, tại các mốc: mốc 1, mốc 2, mốc 3, mốc 4, mốc 1; được sở hữu căn nhà cấp 4 diện tích xây dựng 76,5m² gắn liền với phần đất tại thửa 86, tờ bản đồ số 35, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 448270, sổ vào sổ cấp GCN: CH 00132 ngày 05/4/2010 cho anh Nguyễn Minh T và chị Hồ Huỳnh H, nhà và đất tọa lạc tại số 15, đường Hồ Văn T, xã T, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp.

Buộc anh Nguyễn Minh T có trách nhiệm di dời toàn bộ tài sản của anh T theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ bổ sung ngày 10/9/2020 ra khỏi căn nhà và đất nêu trên để giao nhà và đất cho chị Hồ Huỳnh H trong phạm vi các mốc: mốc 1, mốc 2, mốc 3, mốc 4, mốc 1.

(Theo sơ đồ đo đạc ngày 04/8/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh; Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/8/2020 và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ bổ sung ngày 10/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh).

Các đương sự đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, đăng ký quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và phải chịu các khoản thu theo quy định pháp luật (nếu có).

Buộc chị Hồ Huỳnh H có trách nhiệm giao cho anh Nguyễn Minh T ½ giá trị căn nhà và đất là 110.121.750 đồng.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị H đồng ý cho anh T quyền lưu cư trong thời hạn 03 tháng kể từ thời điểm Bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng cộng 2.692.000 đồng, mỗi người phải chịu 1.346.000 đồng. Chị H đã tạm ứng và chi xong nên anh T có nghĩa vụ trả lại cho chị H số tiền 1.346.000 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Hồ Huỳnh H phải chịu 5.506.000 đồng án phí chia tài sản chung, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.500.000 đồng theo biên lai tạm thu

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004881 ngày 08/7/2020 và khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai tạm thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007186 ngày 14/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Tp. Cao Lãnh, Đồng Tháp. Như vậy, chị H còn phải nộp tiếp số tiền 2.706.000 đồng.

Anh Nguyễn Minh T phải chịu 5.506.000 đồng án phí chia tài sản chung.

Chị Hồ Huỳnh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Minh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Chi cục THADS TPCL;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Kim Liên